

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG<sup>(\*)</sup>

### I

Bước vào công cuộc đổi mới toàn diện do Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI tháng 12 - 1986 khởi xướng, đặc biệt khi Việt Nam mở cửa, hội nhập với thế giới, vấn đề tôn giáo được Đảng và Nhà nước Việt Nam nhìn nhận thấu triệt hơn, cụ thể hơn, đáp ứng được yêu cầu của thời đại mới. Điều này được thể hiện ở những quan điểm dưới đây của Nghị quyết 24/TW, ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VI: *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*. Những quan điểm đó là: “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới”.

Đối với giáo hội và tổ chức tôn giáo, Nghị quyết 24/TW chỉ rõ: “Các giáo hội và tổ chức tôn giáo nào có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp Nhà nước, có tổ chức thích hợp và có bộ máy nhân sự đảm bảo tốt cả hai mặt đạo, đời thì sẽ được Nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể, cho phép hoạt động”.

Nghị quyết 24 (khóa VI) trở thành nền tảng để Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục

phát triển quan điểm về tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Điều này được thể hiện qua các văn bản: “Chương lĩnh xây dựng đất nước 1991; Báo cáo chính trị của Đảng tại các kỳ Đại hội Đảng lần VII, VIII, IX, X; Chỉ thị 37 của Bộ Chính trị ngày 2/7/1998 *Về công tác tôn giáo trong tình hình mới*; Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) ngày 12/3/2003: *Về công tác tôn giáo*.”

Trên cơ sở các văn bản của Đảng về tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Nhà nước ban hành những chính sách cụ thể để triển khai thực hiện. Trước hết phải kể đến *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992* với nội dung: “Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”<sup>(1)</sup>. Sau đó là những Nghị quyết, Nghị định, Chỉ thị, đặc biệt là Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn

\*. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

1. *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1992*, Hà Nội, 1992, tr. 36.

giáo. Đó là: Nghị định 69, ngày 21/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định Về các hoạt động tôn giáo; Nghị định của Chính phủ số 26/1999/NĐ-CP, ngày 19/4/1999 Về các hoạt động tôn giáo; Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Số 21/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 18/6/2004 về tín ngưỡng, tôn giáo (Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo); Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 01/2005/CT-TTg ngày 04/02/2005 về một số công tác đối với đạo Tin Lành; Nghị định của Chính phủ số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo; Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 1940 về nhà, đất liên quan đến tôn giáo.

Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước Việt Nam đã tác động một cách sâu sắc đến diện mạo tôn giáo ở Việt Nam. Trước đây, khi đề cập đến tôn giáo ở Việt Nam, người ta mới chỉ thấy có 6 tôn giáo. Nay thì tôn giáo được Nhà nước công nhận đã lên tới 12 và có tới 32 tổ chức tôn giáo (tính đến thời điểm 2009). 12 tôn giáo được Nhà nước công nhận là:

1. Phật giáo
2. Công giáo
3. Tin Lành
4. Cao Đài
5. Phật giáo Hoà Hảo
6. Islam giáo (Hồi giáo)
7. Tứ Ân Hiếu nghĩa
8. Bửu Sơn Kỳ Hương
9. Tịnh Độ cư sĩ Phật hội
10. Baha'i
11. Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo (Minh Sư đạo)
12. Minh Lý đạo Tam tông miếu (Minh Lý đạo).

Sự thay đổi về diện mạo tôn giáo là khởi đầu cho sự thay đổi về đời sống tôn giáo ở Việt Nam trên nền tảng tự do tín ngưỡng, tôn giáo. “Thành tựu của công cuộc đổi mới trong đó có đổi mới công tác tôn giáo, đã mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng bào các tôn giáo được đảm bảo tín ngưỡng, tôn giáo và quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật, đã tích cực tham gia công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước”<sup>(2)</sup>.

## II

Dưới đây là những nội dung cơ bản tình hình 12 tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

### 1. Phật giáo

Đất nước thống nhất là bối cảnh thuận lợi cho Phật giáo Việt Nam thực hiện ước muốn thống nhất giáo hội. Đại hội Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam được tổ chức từ ngày 04 đến ngày 07 tháng 11 năm 1981 tại chùa Quán Sứ, Thủ đô Hà Nội. Đại hội quy tụ 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước thành lập một tổ chức Phật giáo Việt Nam với tên gọi: GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM. Hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được xác lập. Tổ chức Giáo hội Trung ương gồm: Hội đồng Chứng minh, Hội đồng trị sự, các Ban, Viện Nghiên cứu Phật học và một số hội như Hội Phật tử Việt kiều, v.v... Tổ chức địa phương gồm: Ban Trị sự tỉnh/thành hội, Ban Đại diện Phật giáo quận, huyện, thị xã, Đại diện Phật giáo phường, xã, thị trấn. Cuối cùng là Chùa (tự), viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường.

2. Báo cáo công tác tôn giáo trong tình hình mới (Báo cáo của Bộ Chính trị, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khoá IX).

Năm 2008, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại hội nhiệm kỳ VI (2008 - 2012). Trải các kỳ đại hội là trải các kỳ Giáo hội Phật giáo Việt Nam từng bước trưởng thành, phát triển.

*Về bộ máy hành chính đạo:* Nhiệm kỳ I có 50 thành viên trong Hội đồng Chứng minh, đến nhiệm kỳ VI có 98 thành viên. Số thành viên của Hội đồng Trị sự từ 49 (nhiệm kỳ I) lên 147 (nhiệm kỳ VI). Đặc biệt là sự phát triển nhanh của Ban Trị sự tỉnh/thành hội Phật giáo, nhiệm kỳ I là 28 đến nhiệm kỳ VI là 54. Hiện chỉ còn 9 tỉnh, thành chưa có Ban Trị sự. Đây là những địa phương hoặc ở Miền núi, hoặc ở nơi mà tín đồ Phật giáo quá ít.

Cùng với việc trưởng thành, phát triển về bộ máy hành chính đạo, Phật giáo Việt Nam được sự “trợ duyên” từ chính sách của Đảng và Nhà nước đã hình thành nên một hệ thống cơ sở đào tạo tăng tài từ cơ sở đến Trung ương. Nhiệm kỳ I, nhiệm kỳ II có hai trường cao cấp Phật học, một ở Hà Nội, một ở Thành phố Hồ Chí Minh. Bắt đầu từ nhiệm kỳ III, hai trường trên đổi thành Học viện và có thêm một Học viện đặt tại thành phố Huế (Thừa Thiên-Huế). Cả ba học viện đã và đang được duy trì tốt cho đến hiện nay.

Sang nhiệm kỳ VI có thêm một học viện thứ tư - Học viện Phật giáo Nam tông đặt tại Thành phố Cần Thơ.

Một số tỉnh, thành có trường trung cấp Phật học, số liệu theo trình tự từ nhiệm kỳ II đến nhiệm kỳ VI là: 17, 25, 25, 30, 28. Nhiệm kỳ I không có trường trung cấp Phật học. Số lượng các trường trung cấp có sự trôi, sụt là vì do số học viên quy định.

Ngoài ra, ở các tỉnh, thành có Ban Trị sự đều mở các lớp sơ cấp Phật học đào tạo những vấn đề căn bản của Phật pháp.

So với thời điểm trước năm 1981, Phật giáo ở Miền Bắc chỉ có một trường Tu học Phật pháp Trung ương thì hệ thống cơ sở đào tạo tăng tài của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tăng trưởng một cách nhảy vọt. Ngoài ra, các tăng, ni sinh còn được gửi đi đào tạo cử nhân, cao học, tiến sĩ ở trong và ngoài nước với số lượng lên đến hàng trăm. Tính đến thời điểm năm 2007, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có gần 40.000 tăng, ni. Với đội ngũ tăng, ni truyền đăng, tục diện đông đảo mà mạng mạch Phật giáo được duy trì, Giáo hội trang nghiêm, tinh tấn. Phật tử được truyền giảng chính pháp. Đời sống tôn giáo của Phật giáo phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu.

Bảng thống kê dưới đây về cơ sở thờ tự của Phật giáo qua các nhiệm kỳ đại hội của Phật giáo Việt Nam cho thấy sự phát triển trên bình diện này của Phật giáo Việt Nam (Nguồn tổng kết từ các kỳ Đại hội).

Nhiệm kỳ	Tổng số tự viện	Tự viện Bắc tông	Tự viện Nam tông	Tự viện khất sĩ
Nhiệm kỳ I (1981-1986)	chưa thông kê			
Nhiệm kỳ II (1987-1992)	chưa thông kê			
Nhiệm kỳ III (1993-1997)	8.463	7.658	563	242
Nhiệm kỳ IV (1998-2002)	14.048	10.383	469	516
Nhiệm kỳ V (2003-2017)	14.321	12.036	539	518
Nhiệm kỳ VI (2008-2012)	14.775	13.665	570	540

Các làng quê của người Việt, nhất là những làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ, làng nào cũng có chùa. Ở một số làng có thể có tới hai chùa. Chùa là nơi nhà tu hành hành trì Phật pháp. Chùa là nơi người dân Việt không chỉ đến đó thực hành niềm tin tôn giáo mà còn là nơi thực hành một số tập tục truyền thống khác như: đưa vong, đưa cốt người quá cố, cúng sao giải hạn. Chùa, đặc biệt là chùa làng, là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng ở đó người dân được thoả mãn đời sống văn hóa tâm linh.

Tín đồ Phật giáo thời gian qua tăng một cách đáng kể. Do đặc thù của Phật giáo nên số lượng tín đồ Phật giáo là rất khó thống kê. Quan niệm tín đồ Phật giáo có hai dạng. Dạng thứ nhất là tín đồ thuần thành, có quy y, giữ giới,... Dạng thứ hai là tín đồ vãng lai, có cảm tình với Phật giáo, ngày rằm, mồng một hoặc khi có việc thì đến chùa niệm Phật, cầu xin. Cách quan niệm này hiện đang được nhiều người chấp nhận. Theo số liệu từ các cơ quan chức năng thì tín đồ Phật giáo (ở dạng thứ nhất) đến thời điểm 2008 là trên 11 triệu.

Thành phần tín đồ Phật giáo hiện nay là khá đa dạng. Trước đây tín đồ thường chỉ là nông dân ở các vùng quê và một ít thị dân ở thành thị. Nay có một bộ phận cán bộ đảng viên. Họ đến chùa quy y, học đạo, tham dự các khoá lễ, gia nhập vào các hội quy. Gia đình Phật tử ngày càng thu hút đông đảo giới trẻ tham gia.

Trước đây, khi nói đến tín đồ Phật giáo người ta thường nghĩ họ là người Kinh, nhưng hiện ngày càng có nhiều người dân tộc thiểu số gia nhập đạo Phật. Ngày 19/4/2009 tại Tổ đình Bắc Ái,

Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Kon Tum kết hợp với Tiểu ban Phật tử Dân tộc ít người thuộc Ban Hướng dẫn Phật Tử Trung ương tổ chức Đại lễ Quy y cho gần 4.000 người dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Lễ hội Phật giáo có vai trò quan trọng đối với đời sống tôn giáo. Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, những lễ hội này được tổ chức thường xuyên, an toàn. Đó trước hết là Đại lễ Phật đản. Một số địa phương như thành phố Huế có tục rước kiệu hoa, thuyền hoa, thả đèn nến trên sông Hương với một Đại lễ tưng bừng, náo nhiệt. Năm 2008, Đại lễ Phật đản được gắn với Đại lễ Vesak được tổ chức ở Hà Nội. Đại lễ được tổ chức với quy mô quốc tế, đặc biệt là những cuộc hội thảo khoa học về Phật pháp, Phật sự với những nội dung nóng bỏng của thời đại như: Phật giáo với môi trường, với gia đình, với chiến tranh và hoà bình.

Lễ hội Quán Thế Âm, lễ Vu Lan, lễ hội Côn Sơn - Kiếp Bạc, lễ hội Yên Tử, v.v... được tổ chức đều đặn, thu hút hàng vạn Phật tử và khách hành hương. Lễ hội chùa Hương là lễ hội Phật giáo lớn nhất, kéo dài trong 3 tháng mùa xuân. Năm 2009 có tới 1,4 triệu khách trải hội. Năm này: “Trước ngày khai hội cả tháng, công tác chuẩn bị cho lễ hội được triển khai, 600 người từ thành phố, huyện, xã đến làm nhiệm vụ tại 3 tuyến Hương Tích, Long Vân, Tuyết Sơn; 180 cán bộ chiến sĩ làm nhiệm vụ phân luồng giao thông, giữ gìn an ninh trật tự tại các điểm chốt”<sup>(3)</sup>.

Lễ hội của Phật giáo Nam tông của người Khmer cũng nằm trong sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các cấp

3. Báo *An ninh Thủ đô*, số 2534, ngày 17/01/2009, tr. 11.

chính quyền địa phương. Lễ Sêne Đôlta là một trong ba lễ truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ. Đây là dịp đồng bào tưởng nhớ đối với bậc sinh thành, với tổ tiên, ông bà và được xem là lễ tụ hội phúc đức lớn nhất trong đời sống văn hóa của đồng bào Khmer. Vì vậy, mà lễ hội này năm nào cũng được tổ chức chu đáo với hàng vạn người tham dự tại các chùa Khmer.

Từ ngày 26 - 10 đến ngày 01 - 11 năm 2009 tại thành phố Sóc Trăng (tỉnh Sóc Trăng) diễn ra tuần lễ hội Oóc om bóc của dân tộc Khmer Nam Bộ. Trong lễ hội này có Hội chợ triển lãm với sự tham gia của hơn 180 đơn vị, doanh nghiệp đăng kí trưng bày trên 340 gian hàng các loại, có tổ chức đua ghe ngo truyền thống<sup>(4)</sup>.

Trên trường quốc tế, Phật giáo Việt Nam ngày càng có vị thế. Năm 2008, Phật giáo Việt Nam tổ chức tốt Đại lễ Vesak, tháng 12/2009 tổ chức *Hội nghị nữ giới Phật giáo thế giới lần thứ XI - Sakyyadhita XI* diễn ra từ ngày 28/12/2009 đến 03/01/2010 tại nhà Truyền thống văn hóa Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh. Có hơn 2.500 đại biểu tham dự, trong đó có gần 400 đại biểu quốc tế đến từ 37 quốc gia, vùng lãnh thổ, gồm ni trưởng, ni sư, ni cô đại diện Ni giới và các giáo sư, học giả, diễn giả, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu, đại diện nữ Phật tử, v.v... Chủ đề chính là “Nữ giới Phật giáo lỗi lạc”, tập trung 80 tham luận, bao gồm 47 tham luận của đại biểu Việt Nam đề cập đến những vấn đề toàn cầu, thách thức của nữ giới Phật giáo trong thời hiện đại, giáo dục Phật giáo qua các nền văn hóa, đời sống tâm linh, bình đẳng giới, v.v... Qua đó, tôn vinh

những thành tựu của nữ giới Phật giáo, thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị của nữ giới trên khắp thế giới, chia sẻ kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lao động, kinh nghiệm tụ tập của những người nữ giới Phật giáo trên khắp thế giới, qua đó giúp nhau cùng vượt thử thách để đạt được an lạc hạnh phúc. Hội nghị làm cho bạn bè đến từ nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ hiểu thêm về sự phát triển của Việt Nam, hiểu biết về Giáo hội Phật giáo Việt Nam và những thành tựu của nữ giới Phật giáo Việt Nam cũng như truyền thống phụ nữ Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm của dân tộc<sup>(5)</sup>.

Cuối năm 2010, Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới lần thứ VI. Các công việc chuẩn bị đang được gấp rút hoàn thành để hội nghị được diễn ra tốt đẹp.

Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự nỗ lực tự thân, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức nhiều đoàn ra nước ngoài hoàng dương Phật pháp cho cộng đồng Phật tử là người Việt đang làm ăn sinh sống ở nhiều nước, chủ yếu là Châu Âu. Đoàn thường do các cao tăng dẫn đầu.

## 2. Công giáo

*Về tổ chức giáo hội:* Tại Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 30 tháng 4 năm 1980, các giám mục của nước Việt Nam thống nhất họp, thành lập Hội đồng Giám mục Việt Nam. Đây là Đại hội đồng Giám mục Việt Nam lần thứ nhất. Đại hội ra quy chế, bầu ban thường vụ, các Ủy ban giám mục, ra Thư chung. Kể từ Đại hội lần thứ

4. Báo *Quân đội nhân dân*, số 17433, ngày 29/10/2009.

5. Tuần báo *Giác ngộ*, số 518, ngày 02/01/2010.

nhất (1980) đến năm 2007, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã qua 10 kì đại hội. Các Ủy ban Giám mục từ chỗ có 03 ủy ban (Đại hội lần thứ nhất) đến đại hội lần thứ 10 có tới 15 ủy ban.

Hội đồng Giám mục Việt Nam là một tổ chức có tính cách pháp nhân gồm tất cả các giám mục đang thi hành phận sự mục vụ nơi các giáo phận tại nước Việt Nam. Nhiệm vụ của tổ chức này là cổ vũ tình liên đới để phát huy các thiện ích mà Giáo hội cống hiến cho dân Chúa bằng các hình thức tông đồ và các phương pháp thích hợp với hoàn cảnh của thời đại, trong tinh thần gắn bó với dân tộc và đất nước.

Kể từ Đại hội Hội đồng Giám mục Việt Nam lần thứ nhất (1980) đặc biệt là từ khi có công cuộc đổi mới, hoạt động củng cố và kiện toàn hệ thống hành chính đạo của Giáo hội Công giáo Việt Nam được tiến hành từng bước vững chắc và có bài bản. Năm 2005, Giáo hội Công giáo chia tách Giáo phận Xuân Lộc (Đồng Nai) thành hai giáo phận: Giáo phận Xuân Lộc (Đồng Nai) và Giáo phận Bà Rịa (Bà Rịa - Vũng Tàu), tăng số giáo phận lên thành 26. Các giáo phận đều tổ chức chia tách giáo xứ hoặc nâng cấp giáo họ lên thành giáo xứ. Chưa có một thống kê đầy đủ nhưng số giáo xứ mới trong những năm qua tăng tới hàng trăm. Những tổ chức như dâu, giáp, xóm, khu vực đạo, một mặt được thành lập ở giáo họ vốn trước đây không có, mặt khác những giáo họ đã có nay chia tách ra những dâu, giáp, xóm, khu đạo mới. Một số xóm, khu đạo ở Miền Nam còn lập ra đơn vị phân xóm, phân khu, liên ái, v.v... Mỗi đơn vị gồm khoảng trên dưới 10 hộ gia đình.

Mỗi cấp như giáo xứ, giáo họ, dâu, phân xóm, v.v... đều có một tổ chức quản lí do giáo dân bầu ra dưới sự chỉ đạo của linh mục chính xứ.

Theo số liệu từ Giáo hội Công giáo Việt Nam tính đến thời điểm 2009 Giáo hội Công giáo Việt Nam có 2.135 giáo xứ, giáo điểm, giáo họ, 6.200.000 giáo dân, số linh mục giáo phận: 3.000, số linh mục dòng: 770, số tu sĩ nam nữ 15.752<sup>(6)</sup>. Như vậy, bình quân mỗi linh mục ở Việt Nam coi sóc 1.641 giáo dân. Tỷ lệ này cao hơn một chút so với Châu Âu (1.457) và thấp hơn nhiều mức bình quân của Châu Á (2.290)<sup>(7)</sup>.

Về sự tăng trưởng giáo xứ, giáo điểm, giáo họ xin được dẫn chứng số liệu từ Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó từng thời điểm tương ứng với số giáo xứ:

- 1974: 152;

- 1976: 186;

- 1998: 191 + 2;

- 2009: 200 + 4<sup>(8)</sup>.

*Về hàng giáo phẩm:* Cho đến nay 26 giáo phận Công giáo ở Việt Nam đều có giám mục cai quản. Như vậy, không còn trường hợp giáo phận trống toà (nghĩa là không có giám mục cai quản). Năm 2009 và 6 tháng đầu năm 2010, Công giáo ở Việt Nam đã có những tân giám mục sau đây:

6. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam. "Xây dựng giáo hội mẫu nhiệm - Hiệp thông - Sứ vụ" (Lưu hành nội bộ), năm 2010, tr. 9.

7. Xem thêm: Nguyễn Thành Long. "Nhân kết thúc năm linh mục - Vài sự kiện con số". Tuần báo CG và DT số 1761 (11/6 - 17/6/2010).

8. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam. "Xây dựng giáo hội mẫu nhiệm - Hiệp thông - Sứ vụ" (Lưu hành nội bộ), đđ, tr 9.

Giám mục Giáo phận Ban Mê Thuột: Vinh Sơn Nguyễn Văn Bản, tấn phong ngày 12/5/2009.

Giám mục Giáo phận Phát Diệm Giuse Nguyễn Năng, tấn phong ngày 08/9/2009.

Giám mục Giáo phận Thái Bình Phêrô Nguyễn Văn Đệ, tấn phong ngày 01/9/2009.

Giám mục Giáo phận Phan Thiết Giuse Vũ Duy Thông (nguyên là Giám mục phụ tá Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh), tấn phong ngày 03/9/2009.

Giám mục phụ tá Giáo phận Xuân Lộc Tôma Vũ Đình Hiệu, tấn phong ngày 10/10/2009.

Bước sang năm 2010, Giáo hội công giáo Việt Nam lại có những tin vui mới. Ngày 29/3/2010, Tòa Thánh Lamã công bố Giáo hoàng Bênêdictô XVI bổ nhiệm linh mục Gioan Maria Vũ Tất, 66 tuổi, Giáo phận Hưng Hoá, làm Giám mục phụ tá Giáo phận Hưng Hoá. Thánh lễ truyền chức giám mục tổ chức tại nhà thờ chính toà Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội ngày 15/6/2010.

Ngày 13/5/2010, phòng Báo chí Tòa Thánh Lamã loan báo, Giáo hoàng Bênêdictô XVI chấp nhận đơn từ chức của Giám mục Giáo phận Vinh, Phaolô Maria Cao Đình Thuyên, 83 tuổi vì lí do tuổi tác (khoản số 401, triệt 1), đồng thời bổ nhiệm Linh mục Phaolô Nguyễn Thái Hợp, thuộc dòng Đa Minh, làm tân Giám mục Giáo phận Vinh. Cùng thời điểm

ngày 13/5/2010, Giáo hoàng Bênêdictô XVI đã chấp nhận đơn từ chức của Tổng Giám mục Hà Nội, Giuse Ngô Quang Kiệt vì lí do sức khoẻ (chiếu theo khoản số 401, triệt 2 của Bộ Giáo luật). Như vậy, theo Giáo luật, Tổng Giám mục phó Phêrô Nguyễn Văn Nhơn đương nhiên kế vị làm Tổng Giám mục Hà Nội.

Chỉ trong vòng một năm rưỡi, Giáo hội Công giáo Việt Nam đã có tới 1 Tổng Giám mục và 5 giám mục được tấn phong. Còn nếu tính từ tháng 12/2005 đến tháng 5/2010 có tới 13 giám mục được bổ nhiệm.

Từ năm 1980 đến nay, một đội ngũ đông đảo linh mục triều được đào tạo. Cho đến thời điểm 2010, một “căn bệnh” tưởng như “trầm kha” đó là thiếu linh mục, nay đã được cải thiện một cách cơ bản. Nhìn chung, các giáo xứ ở các giáo phận tại Miền Nam đều có linh mục “chăn chiên”. Thậm chí có giáo xứ ở thành phố, thị xã có tới 2-3 linh mục. Các giáo phận ở Miền Bắc, tình trạng một linh mục kiêm nhiệm một số giáo xứ đến nay còn rất ít. Trong những năm tới, tình trạng này sẽ được khắc phục dứt điểm.

Bảng thống kê dưới đây dựa vào tài liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ (thời điểm 2009) cho thấy bức tranh hiện tại về đào tạo chủng sinh tại các chủng viện của Giáo hội Công giáo Việt Nam là rất khả quan.

Đại chủng viện (ĐCV)		Số chủng sinh (CS) niên khoá 2007-2008	Số chủng sinh tính đến 2009	Số chủng sinh dự kiến tuyển những năm tới
ĐCV. Thánh Giuse Hà Nội	40 phố Nhà Chung Hà Nội		Tổng 314 (CS) chia 6 khoá (còn gọi lớp) từ 2002-2009	Đã tuyển 51 (CS) cho khoá 2009-2017
	Cơ sở II.			
ĐCV. Vinh Thanh	xã Nghi Diên, huyện Nghi		Tuyển 101 (CS) niên khoá	Dự kiến tuyển, 60 (CS) cho

	Lộc, tỉnh Nghệ An		2009-2010	khoá 2009-2010.
ĐCV. Huế	30. Kim Long, TP Huế, Thừa Thiên Huế	Có 3 lớp, 77 (CS)	Có 4 lớp, tổng số 107 (CS)	
ĐCV. Sao Biển Nha Trang	60 đường số 9, phường Phước Long, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà	Có 4 lớp với tổng số 196 (CS)	Có 4 lớp với tổng số 176 (CS)	
ĐCV. Thánh Giuse TP Hồ Chí Minh	6. Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận I TP. Hồ Chí Minh		Có 4 lớp với tổng số 185 (CS)	Dự kiến 2009-2010 sẽ chiêu sinh 38 (CS)
	Cơ sở II, Xuân Lộc, Đồng Nai	Có 4 lớp với tổng số 184 (CS)	Có 5 lớp với tổng số 247 (CS)	
ĐCV. Thánh Quý	87/1 Võ Tánh, Cái Răng, Châu Thành, Cần Thơ	Có 5 lớp với tổng số 184 (CS)	Có 5 lớp với tổng số 164 (CS)	Dự kiến 2009-2010 sẽ tuyển 208 (CS) cho 6 lớp

Đến năm 2010, Giáo hội Công giáo Việt Nam có 06 Đại chủng viện trong đó có 02 đại chủng viện có cơ sở II đào tạo chủng sinh.

Với tổng số chủng viện, số chủng sinh theo học như trên, hàng năm Giáo hội Công giáo Việt Nam đều có được một số lượng đáng kể tân linh mục “bài sai” về các giáo xứ chẵn chẵn. Năm 2009, tính đến tháng 8 Giáo hội Công giáo Việt Nam có thêm 57 linh mục thuộc các giáo phận Đà Nẵng, Vĩnh Long, Thanh Hoá,

Hưng Hoá, Quy Nhơn, Hải Phòng và Tỉnh dòng Đa Minh. Số liệu tổng hợp từ các phương tiện thông tin đại chúng cho thấy, riêng năm 2009 Công giáo Việt Nam có thêm 131 tân linh mục. Ngoài ra, còn một số linh mục được tu nghiệp, đào tạo ở nước ngoài chưa thể thống kê.

Dòng tu Công giáo ở Việt Nam tăng theo năm tháng về số lượng dòng, tu hội và tu sĩ. Bảng thống kê dưới đây cho ta thấy điều đó.

Thời điểm	Dòng, tu hội Nam	Dòng, tu hội Nữ	Tổng cộng	Nam tu sĩ	Nữ tu sĩ	Tổng cộng
Năm 1975	22	33	55	956	4.977	5.933
Năm 2000				1.523	9.624	11.147
Năm 2004	29	65	94	1.833	11.421	13.254
Năm 2009						15.725

Nguồn: *Tổng hợp từ Niên giám của Giáo hội Công giáo.*

Sự tăng trưởng về số lượng dòng, tu hội Nam, Nữ và tu sĩ Nam, Nữ được nêu ở trên là một đặc điểm lớn nhất của dòng tu Công giáo ở Việt Nam. Sở dĩ như vậy là vì từ năm 1990 đến nay các dòng, tu hội vừa có xu hướng nhập thành hội dòng lớn vừa có xu hướng tách thành những cộng đoàn nhỏ để khi có điều kiện thì lập dòng nhánh rồi có thể vươn tới thành lập dòng chính, mở rộng sự phát triển của dòng. Một số dòng tu vì lí do khác nhau không còn hoạt động ở giáo phận này, hay giáo phận khác, nay xin được phục hoạt.

Cũng bắt đầu từ năm 1990 vấn đề nhận người vào dòng tu, tu tập từng bước được cải thiện bởi chính sách của Nhà nước Việt Nam. Vấn đề hộ khẩu của người gia nhập dòng tu dần dần được giải toả. Người đến tìm hiểu dòng tu được đăng kí tạm trú tạm vắng với chính quyền sở tại nơi có trụ sở của dòng tu. Với thời gian 6 tháng, sau đó họ được đăng kí lại nếu tiếp tục ở lại dòng tu, tu tập các bước tiếp theo.

Có những giáo phận như Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh, sự tăng trưởng



về số lượng dòng tu, tu hội Nam, Nữ và tu sĩ Nam, Nữ có tính đột biến. Năm 1974, số Nam, Nữ tu sĩ của giáo phận là 3.360. Năm 1998: 2.655; Năm 2009: 4.754<sup>(9)</sup>.

Hiện tượng người đi “tu chui” đến nay chỉ còn là “một kỉ niệm thuộc về dĩ vãng” của các dòng tu. Số lượng tu sĩ nam, nữ gia tăng theo năm tháng là một chỉ báo về sức sống của dòng tu. Chỉ báo ấy cho thấy chính sách thông thoáng, rộng mở của Nhà nước Việt Nam khi cho phép các dòng tu được thành lập mới hay tái lập với thủ tục hành chính đơn giản thuận tiện, được dễ dàng trong việc nhận người vào dòng tu tập.

Điều 20. Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo viết:

Dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác của tôn giáo được hoạt động sau khi đã đăng kí với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Việc đăng kí hoạt động của dòng tu, tu viện và tổ chức tu hành quy định tại khoản 2, Điều 19 của Pháp lệnh này.

Nghị định số 22/2005/NĐ-CP, ngày 01 tháng 3 năm 2005: Nghị định của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, Điều 12. *Đăng kí dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác* quy định:

1. Người đứng đầu dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có trách nhiệm gửi hồ sơ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, Điều 19 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo.

...

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, Điều 19 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo

có trách nhiệm đăng kí cho dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể khác, trường hợp từ chối đăng kí phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lí do.

Nét nổi bật thứ hai của dòng tu, tu hội Công giáo ở Việt Nam được Nhà nước cho phép và tạo điều kiện để tham gia ngày một nhiều hơn, hiệu quả hơn về các hoạt động văn hóa - xã hội, từ thiện. Trước tình hình một số dòng tu nữ “bung ra” hoạt động giữ trẻ, mẫu giáo, ngày 16 - 9 - 1990, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, cấp giấy phép hoạt động cho 07 điểm giữ trẻ thuộc các dòng tu nữ. Đó là: Mến Thánh giá Thủ Thiên, Mến Thánh giá Tân Việt, Phaolô, Bác ái Vinh Sơn (Bình Thạnh và Quận 3), Đức Bà Truyền giáo (Thủ Đức) và Nazareth (Phú Nhuận). Đây là lần đầu tiên kể từ năm 1975 các dòng tu nữ được cấp giấy phép hoạt động<sup>(10)</sup>. Do là công việc đặc thù nên chính quyền yêu cầu những người tham gia phải có nghiệp vụ sư phạm ngành giáo dục mầm non. Trường lớp phải bảo đảm môi trường sư phạm. Và không được truyền giáo trong các cơ sở giữ trẻ, mẫu giáo. Đến năm 1995, Thành phố Hồ Chí Minh có 20 trường mẫu giáo dân lập do các dòng tu đảm nhận. Tài liệu thống kê phía Giáo hội Công giáo tính đến thời điểm 2003, 25 giáo phận Công giáo có 799 nhà trẻ mẫu giáo. Nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh: 167, tiếp theo là Xuân Lộc: 93; Huế: 85<sup>(11)</sup>.

9. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam. “Xây dựng giáo hội mẫu nhiệm - Hiệp thông - Sứ vụ”, đd, tr. 9.

10. Văn phòng Tổng thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Niên giám 2004. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2004, tr. 221.

11. Văn phòng Tổng thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam. *Giáo hội Công giáo Việt Nam*, Niên giám 2004, Sđd, tr. 513.

Hoạt động giữ trẻ, dạy mẫu giáo của các dòng nữ tu giải quyết được công ăn việc làm cho các nữ tu. Thời kì trước đổi mới, nhìn chung đời sống kinh tế của tu sĩ nhất là nữ tu gặp rất nhiều khó khăn. Ngoài sống đời sống tôn giáo (tu tập) họ còn phải rất vất vả trong việc lo đời sống kinh tế. Họ phải làm nhiều nghề, xoay nhiều việc. Nay nguồn thu thập từ tiền học phí và tiền từ thiện của các nhà tài trợ khiến họ không phải lo lắng về đời sống kinh tế.

Hoạt động văn hóa - xã hội, từ thiện của các tôn giáo nói chung của Công giáo (trong đó có các dòng tu) nói riêng nằm trong chính sách xã hội hoá của Nhà nước Việt Nam. Chính sách này hướng tới hai mục tiêu: Một là phát huy tiềm năng, trí tuệ và vật chất trong các tôn giáo, huy động chức sắc, tín đồ chăm lo sự nghiệp văn hóa - xã hội, từ thiện. Hai là toàn xã hội, đặc biệt là những người nghèo được hưởng thành quả từ những hoạt động này.

Điều 33 Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo quy định:

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để tổ chức tôn giáo tham gia nuôi dạy trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ cơ sở chăm sóc sức khoẻ người nghèo, tâm thần; hỗ trợ phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và tham gia các hoạt động khác vì mục đích từ thiện nhân đạo phù hợp với hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo và quy định của pháp luật.

2. Chức sắc, nhà tu hành với tư cách công dân được Nhà nước khuyến khích tổ chức và hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện nhân đạo theo quy định của pháp luật.

Hội đoàn tôn giáo trong đó chủ yếu là hội đoàn của Công giáo là một vấn đề

phức tạp bởi sự ra đời và hoạt động của một số hội đoàn trong lịch sử đã vượt ra khỏi phạm vi tôn giáo. Một số hội đoàn bị lợi dụng vào hoạt động chính trị đen tối. Cho đến khi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực thì hội đoàn các tôn giáo về nguyên tắc không được phép hoạt động, chỉ trừ những hội đoàn phục vụ nghi lễ tôn giáo. Tuy nhiên trên thực tế hội đoàn Công giáo tồn tại dưới hình thức giới. Như giới ông, giới bà, giới trẻ. Khi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo ra đời vấn đề bức xúc và nan giải về hội đoàn Công giáo được giải toả. Điều 19 viết:

1. Hội đoàn tôn giáo được hoạt động sau khi tổ chức tôn giáo đăng kí với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc đăng kí hội đoàn tôn giáo được quy định như sau:

a. Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đăng kí với Ủy ban Nhân dân cấp huyện nơi hội đoàn hoạt động.

b. Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc Trung ương đăng kí với Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh nơi hội đoàn hoạt động.

c. Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng kí với cơ quan quản lý về tôn giáo ở Trung ương.

Tài liệu từ phía Giáo hội Công giáo cho biết đến thời điểm 2010 Công giáo ở Việt Nam có khoảng 90.000 các đoàn thể - các giới<sup>(12)</sup>. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh

12. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam: "Xây dựng giáo hội mẫu nhiệm - Hiệp thông - Sứ vụ", Sđd, tr. 8.

Minh có 25 loại đoàn thể, hiệp hội tông vụ nghi lễ, như ca đoàn, hội kèn, hội con đồ giáo dân (chưa kể các hội đoàn phục hoa...). Xin xem bảng thống kê.

1. Bà mẹ Công giáo	10. Người Cao tuổi	19. Legio Maria
2. Gia đình Phạt tạ	11. Giáo chức Công giáo	20. Con Đức Mẹ
3. Gia đình cùng theo Chúa	12. Y, Bác sĩ Công giáo	21. Hiệp hội Thánh Mẫu
4. Gia đình Khôi Bình	13. Doanh nhân Công giáo	22. Hiệp hội Bác ái Vinh Sơn
5. Gia đình Chúa	14. Nghệ nhân Công giáo	23. HĐ giáo dân Đa Minh
6. Gia đình Phúc âm	15. Thanh sinh Công	24. HĐ Phan sinh tại Huế
7. Thăng tiến HN+GD	16. Hướng đạo Công giáo	25. Dòng Ba Cát Minh
8. Thiếu nhi	17. Lòng Thương xót Chúa	
9. Giới trẻ	18. Học hội Kitô giáo	

Về mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với Giáo hội Công giáo. Bước vào công cuộc đổi mới, về đối ngoại, Nhà nước Việt Nam thi hành chính sách đối ngoại rộng mở với nguyên tắc Việt Nam là bạn của các nước trên thế giới. Với tinh thần đó, Nhà nước Việt Nam dần dần từng bước cải thiện mối quan hệ ngoại giao với Vatican. Sự kiện đánh dấu bằng chuyến thăm lần thứ nhất của phái đoàn Toà Thánh do Hồng y Etchegaray dẫn đầu cùng Đức Ông Claudio Celli, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Vatican và Đức Ông Barnabê Nguyễn Văn Phương, thuộc Bộ Truyền giáo đến Việt Nam ngày 07 - 11 - 1990. Đoàn bước đầu đặt mối quan hệ trao đổi về vấn đề hai bên cùng quan tâm. Một thoả thuận đạt được là:

- Mọi vấn đề liên quan đến Giáo hội Công giáo Việt Nam, Toà thánh sẽ thông báo cho Chính phủ Việt Nam và có sự thoả thuận của Chính phủ Việt Nam thì Toà Thánh mới quyết định. Việc này bao gồm các chủ trương của Toà Thánh, việc phong chức hồng y, giám mục và các việc khác mà hai bên cùng quan tâm.

- Khi hai bên có ý kiến khác nhau thì sẽ gặp nhau trực tiếp để trao đổi, bàn bạc<sup>(13)</sup>.

Tính đến thời điểm tháng 02 - 2009 với việc phái đoàn Bộ Ngoại giao Toà Thánh gồm Đức Ông Parolin, Thứ trưởng Ngoại giáo, Đức Ông Phanxicô Cao Minh Dung và Đức Ông Barnabê Nguyễn Văn Phương đến Việt Nam là chuyến thăm lần thứ 16 của Toà Thánh. Với 16 chuyến thăm và làm việc nhiều vấn đề mà Nhà nước Việt Nam và Vatican quan tâm đã lần lượt được giải quyết. Nhiều thành tựu mà chúng tôi đề cập ở phần trên chính là kết quả của những chuyến thăm và làm việc này.

Đặc biệt cần phải kể đến hai chuyến thăm, một của Thủ tướng Chính phủ, một của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tới Vatican. Ngày 25 - 01 - 2007, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng sang thăm và làm việc tại Vatican. Thủ tướng có cuộc tiếp kiến với Giáo hoàng Bênêdictô XVI. “Đức Thánh cha Bênêdictô XVI đã hoan nghênh Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), chẳng những coi Việt Nam là một nền kinh tế có tốc độ phát triển nhanh nhất Châu Á mà trong cuộc hội

13. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*, số 952, ngày 3.4.1994.

kiến với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, Ngài còn hoan nghênh đánh giá cao chính sách tôn giáo của Việt Nam và cho đây là hình mẫu về bảo đảm tự do tôn giáo, tín ngưỡng<sup>(14)</sup>. Và chuyến thăm này được “dư luận thế giới coi là dấu ấn Việt Nam trên chính trường thế giới; là bước phát triển mới thể hiện ý chí và mong muốn của cả Việt Nam và Toà Thánh Vatican nhằm tăng cường đối thoại và hiểu biết lẫn nhau để tiến tới thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ giữa Việt Nam và Vatican”<sup>(15)</sup>.

Ngày 11 - 12 - 2009, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã có cuộc gặp Giáo hoàng Bênêdictô XVI và Thủ tướng Vatican. Tại cuộc gặp, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết khẳng định Việt Nam nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Chủ tịch Nguyễn Minh Triết nêu rõ Nhà nước Việt Nam luôn tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân và luôn coi đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chủ tịch nước thông báo, với sự quan tâm của chính quyền các cấp, các tôn giáo ở Việt Nam đều được tạo điều kiện phát triển thuận lợi, trong đó có Công giáo. Đặc biệt với sự hỗ trợ của chính quyền, vừa qua Giáo hội Công giáo Việt Nam đã tổ chức tốt đẹp lễ khai mạc Năm Thánh 2010,... Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết nhấn mạnh, đa số đồng bào theo đạo Công giáo đã và đang tích cực tham gia công cuộc bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước; những người đã anh dũng hi sinh trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc, được Tổ quốc ghi công.

Giáo hoàng Bênêdictô XVI cảm ơn Nhà nước Việt Nam đã cho phép và hỗ trợ Giáo hội Công giáo Việt Nam tổ chức thành công Lễ khai mạc Năm Thánh 2010 vừa qua tại Sở Kiện (Hà Nam), mở đầu cho các hoạt động tốt đẹp trong Năm Thánh. Giáo hoàng bày tỏ đồng tình với ý kiến phát biểu của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết và đề nghị Nhà nước Việt Nam tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Giáo hội Công giáo Việt Nam được tham gia đóng góp vào các hoạt động từ thiện, y tế và giáo dục. Giáo hoàng bày tỏ mong muốn thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Vatican phát triển hơn nữa trong thời gian tới<sup>(16)</sup>.

Công việc mà Nhà nước Việt Nam và Vatican đang hướng tới là thiết lập ngoại giao đầy đủ giữa hai nhà nước. Đã có cuộc họp vòng một nhóm công tác hỗn hợp Việt Nam - Vatican vào tháng 02 - 2009. Và cuộc họp vòng hai diễn ra ở Vatican vào ngày 23 và 24 - 6 - 2010 để bàn thảo về vấn đề đại sự trên. Ngày 26-6-2010, Phủ Quốc vụ khanh Tòa Thánh công bố: *Thông báo về khóa họp thứ II của nhóm Công tác hỗn hợp Vatican-Việt Nam*, theo đó Giáo hoàng Benedicto XVI sẽ bổ nhiệm một vị Đại diện không thường trú của Tòa Thánh tại Việt Nam.

### 3. Đạo Tin Lành

Thời điểm năm 1975, đất nước Việt Nam thống nhất, đạo Tin Lành ở Miền Bắc có khoảng 5.000 tín đồ, ở Miền Nam là 200.000 tín đồ với 20 hệ phái và các nhóm Tin Lành. Một thời gian dài, hoạt

14. Báo *Người Công giáo Việt Nam*, số 10/2007.

15. Báo *Người Công giáo Việt Nam*, số 10/2007.

16. Theo báo *Sài Gòn giải phóng*, số 11673, ngày 12.12.2009.

động của đạo Tin Lành ở Miền Nam theo chiều hướng phức tạp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, tôn giáo, dân tộc. Trong quá trình trấn áp Fulro, những chứng cứ cho thấy có sự câu kết giữa một số nhân vật cầm đầu hội thánh Tin Lành địa phương ở Tây Nguyên với Fulro. Một số nhà thờ Tin Lành trở thành nơi cất giấu vũ khí, truyền đơn của phản động Fulro.

Từ giữa những năm 1980, đạo Tin Lành ở Tây Nguyên tiếp tục diễn biến phức tạp. Hoạt động của đạo Tin Lành gây nhiều hậu quả xấu về an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Vào cuối những năm 1990, được sự tiếp tay của các thế lực phản động nước ngoài, bọn phản động trong nước âm mưu lập nhà nước Dega tự trị<sup>(17)</sup> và Tin Lành Dega. Ngày 20 - 9 - 2000, tại Biển Hồ thành phố Pleiku bọn phản động nhóm họp, công khai lập nhà nước Dega, vạch kế hoạch bạo loạn. Kết quả là bọn phản động tiến hành hai cuộc bạo loạn vào tháng 2 - 2001 và tháng 4 - 2004. Bọn phản động dùng keng để báo hiệu lệnh, dùng xe công nông để chở lực lượng. Ở một số nơi chúng kéo đến trụ sở Ủy ban Nhân dân xã, phường tấn công những nơi này. Lực lượng an ninh đã thu được những hung khí tự tạo (dao găm, mã tấu, súng cao su, cung nỏ, cò, gậy gộc). Cuộc bạo loạn lần hai ngoài việc nêu khẩu hiệu đấu tranh đòi thành lập nhà nước Dega còn cho thấy có sự liên kết với bọn phản động Fulro.

Hậu quả về văn hóa xã hội là hết sức nặng nề. Đạo Tin Lành là tác nhân phá vỡ quan hệ và tính cộng đồng bền vững của cư dân các dân tộc thiểu số, gây chia rẽ mâu thuẫn giữa những người theo và

không theo đạo Tin Lành, làm phương hại đến khối đoàn kết các dân tộc. Nhiều truyền thống văn hóa tốt đẹp bị đạo Tin Lành xóa bỏ như lễ hội Công chiêng, lễ hội đâm trâu, v.v... gây tổn hại lớn trong việc giữ gìn di sản văn hóa dân tộc.

Cũng vào thời điểm giữa những năm 1980 ở miền núi phía Bắc nước ta trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số người H'mông và một bộ phận người Dao có việc truyền bá phát triển đạo Tin Lành bất bình thường gây xáo trộn về đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội và mất ổn định về an ninh chính trị. Phát triển đạo trong người H'mông, đạo Tin Lành làm đảo lộn trật tự xã hội truyền thống. Người theo đạo Tin Lành không còn thờ cúng Tổ tiên, không còn chơi hội núi, hát dân ca, thổi kèn. Mâu thuẫn xảy ra trong mỗi gia đình, dòng họ, thôn bản, giữa những người theo đạo và không theo đạo. Hoạt động truyền đạo trong người H'mông mang màu sắc chính trị phản động, tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định chính trị cơ sở. Hậu quả về kinh tế của việc truyền đạo là hết sức nặng nề. Bọn xấu xách động quần chúng bỏ sản xuất để cầu nguyện, hàng vạn quần chúng di dịch cư gây xáo trộn đời sống kinh tế.

Mặc dù đạo Tin Lành có những hoạt động phức tạp như đã đề cập ở phần trên nhưng với nguyên tắc tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, Đảng, Nhà nước đã có quan điểm, chính sách tạo bước đi phù hợp. Đảng ta biết phân biệt đâu là tự do tín ngưỡng, tôn giáo chính đảng của công dân - tín đồ, đâu là sự lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo

17. Dega là chữ viết tắt của chữ Anak Ede Ga. Nghĩa là *Những người con của núi rừng*, dụng ý để chỉ tất cả các dân tộc ở Tây Nguyên.

của các thế lực phản động. Những việc làm sai trái vi phạm pháp luật của bọn cầm đầu được đấu tranh, ngăn chặn. Quần chúng tín đồ bị bọn phản động lôi kéo lợi dụng thì tuyên truyền, vận động để quần chúng hiểu rõ “đường lí, đường lẽ” yên tâm làm ăn, thực hành tín ngưỡng.

Do đạo Tin Lành ở nước ta có nhiều hệ phái nên Nhà nước lần lượt xem xét công nhận tư cách pháp nhân cho từng hệ phái. Trước hết là hệ phái Tin Lành Việt Nam Miền Nam. Sáng ngày 08/01/2001, tại nhà thờ Tin Lành Sài Gòn (155 Trần Hưng Đạo, Thành phố Hồ Chí Minh), Đại hội đồng Tổng liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam lần I (lần thứ 43 theo lịch sử Giáo hội Tin Lành Việt Nam) đã khai mạc trọng thể. 382 đại biểu chính thức là các mục sư, truyền đạo và các tín đồ được bình chọn từ các chi hội và 278 đại biểu dự thỉnh đã về dự.

Đại hội thông qua Hiến chương Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam), nhiệm kỳ 2001 - 2005, bầu Ban Trị sự Tổng liên hội gồm 23 mục sư, truyền đạo.

Ngày 16 - 3 - 2001, theo Quyết định số 15/QĐ/TGCP, do ông Lê Quang Vịnh Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ kí đã công nhận tư cách pháp nhân của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam).

Đường hướng hành động mà đạo Tin Lành Việt Nam xác tín là: *Sống Phúc âm phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc.*

Ngày 01 - 3 - 2009 Đại hội đồng Tổng liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam lần III (lần thứ 45 theo lịch sử giáo hội) khai mạc tại nhà thờ Tin Lành Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh). Tham dự Đại hội có 821 đại biểu chính thức là các mục

sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo và các tín hữu được bầu chọn từ các chi hội Tin Lành tại 34 tỉnh, thành phố khu vực phía Nam (từ Quảng Trị đến Cà Mau) cùng 500 đại biểu dự thỉnh.

Trong ngày đầu Đại hội đồng, nhiều mục sư, tín hữu Tin Lành đã bày tỏ niềm vui và cảm ơn sự giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi về nhiều mặt của chính quyền các địa phương có chi hội Tin Lành đối với hoạt động của Hội thánh; đồng thời tin tưởng các hoạt động mục vụ cũng như sinh hoạt của Hội thánh từ Tổng liên hội đến các chi hội sẽ ngày càng khởi sắc (Theo TTXVN).

Với Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc), từ cuối năm 1999 Nhà nước có chủ trương cho Tổng hội chuẩn bị Đại hội đồng lần thứ 32. Song trước những vấn đề trở ngại từ phía Tổng hội nên một số chi hội tiến hành Đại hội thường niên, chẳng hạn như chi hội Thánh Tin Lành Hà Nội đại hội thường niên bầu Ban Trị sự nhiệm kỳ 2003 - 2005. Một số trở ngại dần được khai thông. Tháng 3/2004 Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) ban hành dự thảo *Điều lệ Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc)* gồm 10 chương, 76 điều. Cùng thời điểm này bản dự thảo Nội quy; Giáo luật; kỷ luật của Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) cũng được công bố. Bản nội quy gồm 10 chương, 76 điều; Bản Giáo luật gồm 6 chương, 18 điều; Bản Kỷ luật tại các Hội đồng gồm 5 chương, 10 điều.

Khi sự chuẩn bị hoàn tất, ngày 11.2.2004, Đại hội đồng lần thứ 32 của Tổng hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) chính thức khai mạc tại nhà thờ Tin Lành chi hội Hà Nội. 157 đại biểu là mục sư, giảng sư và tín hữu được bầu chọn từ các chi hội thuộc

10 tỉnh thành, cùng 400 tín đồ về dự Đại hội bầu Ban Trị sự Tổng hội, thông qua Điều lệ. “Đại hội đồng xác định hướng hoạt động tôn giáo trên cơ sở tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, giáo dục tín hữu lòng yêu nước, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng pháp luật, đoàn kết cùng toàn dân xây dựng đất nước”. Sau khi Đại hội đồng tiến hành một thời gian, ngày 4.2.2005, tại nhà thờ Tin Lành Hà Nội, ông Nguyễn Thanh Xuân, Phó Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ đã trao thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận Điều lệ mới và nhân sự Ban Trị sự Tổng hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) nhiệm kỳ 2004 - 2008.

Đại hội đồng lần thứ 33 Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) được tổ chức vào các ngày 24-25/02/2009 tại nhà thờ chi hội Tin Lành Hoàn Nhị (Nam Định). Mục sư Nguyễn Hữu Mạc được bầu làm Hội trưởng Tổng hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc). Đại hội đồng đã đề ra 8 nhiệm vụ chính cho hoạt động của Tổng hội trong nhiệm kỳ 2009 - 2013. Theo đó, bên cạnh các nhiệm vụ củng cố tổ chức, triển khai việc thống nhất giáo hội giữa Tổng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) và Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam), hoạt động hướng tới kỉ niệm 100 năm đạo Tin Lành đến Việt Nam. Đại hội nhấn mạnh đến nhiệm vụ đẩy mạnh các hoạt động xã hội với tôn chỉ “Yêu Tổ quốc, bảo vệ hoà bình, thực hiện công bằng, bác ái, tự do, bình đẳng và lao động”.

Sau khi Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo được ban hành, có 8 hệ phái Tin Lành được Ban Tôn giáo Chính phủ hoặc cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động, hoặc được trao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo.

Đó là:

Hội truyền giáo Cơ đốc Việt Nam

Hội thánh Cơ đốc Phục lâm Việt Nam

Tổng hội Báp-tít Việt Nam (Ân điển - Nam Phương)

Hội thánh Mennonite Việt Nam

Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam

Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam

Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam phương)

Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần.

Đối với đạo Tin Lành ở Tây Nguyên do có sự phát triển phức tạp như đã đề cập ở phần trên nên các tỉnh ở Tây Nguyên nghiêm túc thực hiện Thông báo 184/TB-TW (1998) của Thường vụ Bộ Chính trị; Thông báo 255/TB-TW (1999) của Bộ Chính trị; Quyết định 11/2000/QĐ-TTg (2000) của Thủ tướng Chính phủ; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ tại Thông báo 42/TB-VPCP, ngày 25-5-2001 và Đề án số 03 - ĐA/TGCP, ngày 12-7-2001 Về công tác đối với đạo Tin Lành ở Tây Nguyên của Ban Tôn giáo Chính phủ. Qua các văn bản trên, các tỉnh ở Tây Nguyên từng bước bình thường hoá hoạt động của Tin Lành trên địa bàn tỉnh. Khi Tổng liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) tiến hành Đại hội đồng lần thứ 1 (năm 2001) các tỉnh ở Tây Nguyên đã chọn được 58 mục sư, truyền đạo tham dự Đại hội. Tháng 2/2001 các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng cho phép đạo Tin Lành lập Ban Đại diện. Tháng 12/2001, một đoàn đại biểu gồm các mục sư, truyền đạo ở Tây Nguyên ra thăm Miền Bắc và Thủ đô Hà Nội. Tháng 9/2002, 71 đại biểu mục sư, truyền đạo đi dự Đại hội đồng giáo phẩm lần thứ nhất Hội

Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam). Với những hoạt động trên, đạo Tin Lành trên địa bàn Tây Nguyên dần hoà nhập với Tin Lành trong tổng hội.

Trong lộ trình bình thường hoá hoạt động, các tỉnh ở Tây Nguyên tiến hành song song việc cho phép thành lập Hội thánh cơ sở với việc phong phẩm. Năm 2002, 14 chi hội (Hội Thánh cơ sở) được thành lập (Lâm Đồng: 7; Gia Lai: 5; Đắk Lắk: 2). Các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng chấp nhận cho Tin Lành ở địa phương quản lý được phong mục sư nhiệm chức và mục sư. Tháng 02 - 2003 các địa phương cho tuyển chọn 6 chủng sinh học tại Viện Thánh kinh Thần học tại thành phố Hồ Chí Minh (Lâm Đồng: 2; Gia Lai: 2; Đắk Lắk: 2).

Vấn đề Tin Lành ở Tây Nguyên tiếp tục được giải quyết nhưng mang tính đột phá kể từ khi Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 160/TB/TW ngày 15 - 11 - 2004, sau đó là Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về một số công tác đối đạo Tin Lành. Chỉ thị 01 đã thể chế hoá quan điểm của Thông báo 160/TB/TW. Theo đó. “Đối với đồng bào theo đạo Tin Lành ở Tây Nguyên, Nam Trường Sơn và các tỉnh Miền Trung:

Tiếp tục xem xét công nhận các chi hội thuộc Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) và tạo điều kiện thuận lợi để các Chi hội này xây dựng nơi thờ tự, đào tạo và bố trí chức sắc hướng dẫn việc đạo cho các Chi hội đã được công nhận theo quy định của pháp luật,

Đối với những nơi chưa đủ điều kiện để được công nhận lập Chi hội, nếu đồng bào

theo đạo ở đó có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo thuần túy, cam kết chấp hành các quy định của pháp luật, không hoạt động cho bọn phản động Fulro, không dính líu đến “Tin Lành Đega” (thực chất là tổ chức phản động Fulro) thì chính quyền xã, phường tạo điều kiện cho đồng bào thực hiện chính sách sinh hoạt tôn giáo bình thường tại gia đình hoặc chấp thuận cho đồng bào đăng kí sinh hoạt đạo tại địa điểm thích hợp trong buôn làng”.

Tính đến thời điểm tháng 6 - 2007 tình hình đạo Tin Lành ở Tây Nguyên như sau:

Đã cho phép 82 chi hội Tin Lành thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) tiến hành đại hội và công nhận hoạt động chính thức, hướng dẫn 849 điểm nhóm Tin Lành đăng kí sinh hoạt tôn giáo ổn định với chính quyền địa phương (cụ thể: Lâm Đồng: 23 chi hội và 218 điểm nhóm; Đắk Lắk 09 chi hội, 122 điểm nhóm; Gia Lai: 35 chi hội, 245 điểm nhóm; Kom Tum: 01 chi hội, 68 điểm nhóm; Đắk Nông: 11 chi hội, 84 điểm nhóm; Bình Phước: 03 chi hội, 174 điểm nhóm).

Đã giúp cho Ban Trị sự Tin Lành ở các tỉnh Tây Nguyên tuyển chọn được 38 học viên về học Viện Thánh kinh Thần học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chấp thuận cho Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) mở 05 lớp bồi dưỡng thần học cho 267 học viên tại 5 tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước. Cho phép phục chức và phong mới cho 80 mục sư, mục sư nhiệm chức đưa tổng số mục sư làm mục sư của đạo Tin Lành tại các địa phương trên lên tới con số 226 người.

Về cơ sở tôn giáo, chính quyền các tỉnh Tây Nguyên cho phép xây dựng 09 nhà thờ, nhà nguyện, giao lại một số cơ



sở tôn giáo đã có từ trước đây cho Tin Lành; Chấp nhận cho phép cải tạo bán kiên cố một số lượng lớn nhà nguyện tại các điểm nhóm.

Về Kinh sách, hơn 30.000 bản kinh thánh bằng tiếng Bana, Giarai, Êđê đã được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép in

và phát hành phục vụ cho tín đồ người dân tộc<sup>(18)</sup>.

Dưới đây là số liệu thống kê về tình hình các chi hội Tin Lành tại Tây Nguyên. (Nguồn: Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, tháng 5 - 2007).

Tỉnh	Tổng số nhóm, hệ phái	Tổng số tín đồ của tất cả các nhóm, hệ phái	Tình hình chi hội	
			Số chi hội đã công nhận	Tín đồ trong các chi hội
Kon Tum	6	12.755	1	849
Gia Lai	8	87.938	35	43.391
Đắk Lắk	11	110.117	9	6.841
Đắk Nông	5	37.785	11	5.144
Lâm Đồng	15	70.829	23	23.875
Toàn Vùng	34	319.424	79	79.103

Nếu tổng hợp số liệu tình hình các chi hội và các điểm nhóm của cả Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) và các hệ phái Tin Lành khác thì đến thời điểm 2009 có 150 chi hội được công nhận. 1.768 điểm nhóm được đăng kí sinh hoạt.

Đối với Tin Lành ở miền núi phía Bắc, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 01/2005/CT-TTg, ngày 04 tháng 02 năm 2005 *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành* chỉ rõ: “Đối với số đồng bào ở Miền núi phía Bắc mới theo đạo Tin Lành cần căn cứ vào nhu cầu tín ngưỡng để có chủ trương thích hợp theo hướng.

Đối với bộ phận đồng bào đã có thời gian theo đạo Tin Lành và có nhu cầu tín ngưỡng thực sự, trước mắt hướng dẫn cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo tại gia đình, hoặc nơi nào có nhu cầu thì hướng dẫn cho đồng bào đăng kí sinh hoạt đạo ở địa phương thích hợp tại bản, làng. Khi hội đủ các điều kiện thì tạo thuận lợi cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo bình thường theo quy định của pháp luật.

Đối với bộ phận đồng bào đã theo đạo, nay có nhu cầu trở lại với tín ngưỡng

truyền thống của dân tộc mình, cần tạo điều kiện, giúp đỡ để đồng bào thực hiện ý nguyện đó”.

Tin Lành truyền bá trong cộng đồng cư dân H'mông và một bộ phận người Dao ở miền núi phía Bắc là hết sức mới mẻ. Sau một thời gian gia nhập đạo theo phong trào hoặc bị áp lực bởi bọn xấu, vấn đề cư dân gia nhập đạo có sự phân hoá rõ rệt. Một bộ phận thực sự có nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục giữ đạo, trong khi đó có một bộ phận quay về với tín ngưỡng tôn giáo truyền thống. Vì vậy mà Chỉ thị 01/2005/CT-TTg là rất phù hợp với thực tiễn. Trên cơ sở của Chỉ thị 01 các tỉnh ở miền núi phía Bắc có đồng bào theo đạo căn cứ vào tình hình thực tiễn, một mặt tạo điều kiện cho đồng bào có nhu cầu trở lại với tín ngưỡng truyền thống, mặt khác tiến hành cho đăng kí điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo cho đồng bào có nhu cầu theo đạo. Tính đến thời điểm 2009, ở các tỉnh miền núi phía Bắc có 168 điểm nhóm được đăng kí sinh hoạt tôn giáo.

18. GS.TS. Đỗ Quang Hưng (chủ nhiệm). *Tin Lành: Vấn đề hôm nay và những năm sắp tới trên địa bàn Tây Nguyên*. Đề tài cấp Bộ. Hà Nội, 11.2007.

#### 4. Đạo Cao Đài

Tính đến thời điểm 2006, số người theo đạo Cao Đài là: 2.434.432, trong đó người có số câu đạo (tín đồ): 930.730.

Chức sắc: 11.030, trong đó chức sắc thuộc Cửu Trùng đài: 9.237; Chức sắc thuộc Hiệp Thiên đài: 1.793. Chức việc có 20.866, trong đó Chức việc Nam: 13.948, chức việc Nữ: 11.944. Cơ sở thờ tự: 1.200, trong đó: Thánh thất, Thánh tịnh: 1.063, điện thờ Phật Mẫu: 137.

Sau ngày Miền Nam giải phóng do tình hình đất nước, do những vấn đề lịch sử đạo Cao Đài để lại nên tín đồ của đạo được phép sinh hoạt tín ngưỡng tại gia. Sau khi có đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, một số tôn giáo trong đó có Cao Đài được Nhà nước ta xem xét công nhận tư cách pháp nhân.

Thực hiện Thông báo 34/TB-TW ngày 14/11/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khoá VII về công tác đối với đạo Cao Đài trong tình hình mới, Nhà nước đã công nhận về tổ chức và hoạt động của một số hệ phái Cai Đài sau:

Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên (7.1995)

Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu (5.1996)

Hội thánh Cao Đài Minh Chân đạo (8.1996)

Hội thánh Truyền giáo Cao Đài (9.1996)

Hội thánh Cao Đài Tây Ninh (5.1997)

Hội thánh Cao Đài Ban Chỉnh đạo (8.1997)

Hội thánh Cao Đài Bạch y Liên đoàn Chân lí (7.1998)

Hội thánh Cao Đài Chân lí (3.2000)

Hội thánh Cao Đài Cầu kho Tam quan.

Cho đến thời điểm 2009, các hệ phái đều đã tổ chức Đại hội toàn phái lần thứ 3.

Sau khi hoàn nguyên được hoạt động với tư cách pháp nhân các hệ phái Cao Đài từng bước củng cố tổ chức bộ máy hành chính đạo, đưa hoạt động của Hội thánh vào nền nếp và ổn định, thực hiện đúng Hiến chương hoặc Đạo quy và tuân thủ pháp luật Nhà nước. Xin đơn cử trường hợp Hội thánh Cao Đài Tây Ninh.

Ngày 05/9/2008 Hội đồng Chưởng quản Hội thánh Cao Đài Tây Ninh tổ chức lễ đón nhận Hiến chương Đại đạo Tam kì Phổ độ Cao Đài Tây Ninh (sửa đổi). Hiến chương gồm 09 chương, 36 điều quy định từ danh hiệu, huy hiệu, đạo kì, trụ sở, giáo lí, tôn chỉ mục đích, đường hướng hành đạo,... cho đến hệ thống tổ chức và các vấn đề tuyên dương, kỉ luật, thực hiện và sửa đổi Hiến chương. Tại buổi lễ, Đấng Thượng Táo Thanh cho biết, kể từ khi được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân (năm 1997) đến cuối năm 2009, Hội thánh đã kiện toàn 380 Ban Cai quản họ đạo và Ban Nghi lễ cơ sở, trùng tu nâng cấp hoặc xây mới 365 thánh thất và 162 điện thờ Phật Mẫu; Bổ nhiệm 23 Ban Đại diện Hội đồng Chưởng quản tại 23/39 tỉnh, thành phố có tín đồ Cao Đài Tây Ninh. Hiện nay (2007). Cao Đài Tây Ninh có hơn 3.000 chức sắc, hơn 20.000 chức việc. Sau khi có Hiến chương (sửa đổi) công việc tại Trung ương Toà Thánh sẽ do Thường trực Hội thánh (Cửu Trùng đài và Hiệp Thiên đài) đảm nhận thay thế cho Hội đồng Chưởng quản trước đó<sup>(19)</sup>.

19. Báo Nhân dân, số 19375, ngày 7.9.2008.

Các Hội thánh đều chăm lo vào việc củng cố, phát triển đạo như mở các lớp giáo lí hạnh đường, củng cố họ đạo cơ sở, tiến hành sửa chữa, nâng cấp các thánh thất cũ và xây dựng thánh thất mới. Năm 2006 Hội thánh Cao Đài Tây Ninh hoàn tất việc di dời và tổ chức lễ nhập tháp Liên đài Hộ pháp Phạm Công Tắc từ Campuchia về Toà thánh Cao Đài Tây Ninh.

Sau khi được công nhận tư cách pháp nhân các hệ phái Cao Đài làm theo Hiến chương, tuân thủ chính sách pháp luật của Nhà nước. Các địa phương có nhiều cố gắng trong việc quản lí, hướng dẫn, giúp đỡ các Hội thánh hành đạo theo phương châm: “Nước Vinh đạo sáng”, bảo đảm cho tín đồ sinh hoạt đạo bình thường. Chúc sức, tín đồ thêm phấn khởi, đoàn kết và tin tưởng vào chủ trương, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước; Đồng thời phân biệt rõ cái đúng, cái sai và tạo dư luận phản đối những việc làm sai trái của một số ít người lợi dụng tôn giáo phá đạo, hại đời.

##### 5. Phật giáo Hoà Hảo

Năm 1999 thực hiện Thông báo số 165-TB/TW ngày 04/9/1998 của Thường vụ Bộ Chính trị, các địa phương có Phật giáo Hoà Hảo tổ chức Đại hội Đại biểu Phật giáo Hoà Hảo. Đại hội tiến hành hai ngày 25 và 26/5/1999 tại An Giang, quy tụ 210 đại biểu chính thức của 9 tỉnh, thành và trên 400 đại biểu khách mời. Đại hội bầu ra Ban Đại diện Phật giáo Hoà Hảo nhiệm kì 1999 - 2004, gồm 11 thành viên do ông Nguyễn Văn Tôn làm Trưởng ban. Đại hội ra Quy chế Phật giáo Hoà Hảo. Đường hướng hành đạo của Phật giáo Hoà Hảo là:

*Phụng đạo - Yêu nước và gắn bó với dân tộc.* Đại hội lần II nhiệm kì (2004 - 2009) được tổ chức vào tháng 6 - 2004. Ngày 21/5/2009 Đại hội lần III nhiệm kì (2009 - 2014) được tiến hành. Hai kì Đại hội tiếp theo, ông Nguyễn Văn Tôn đều được bầu làm Trưởng ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo.

Qua ba kì Đại hội, tổ chức giáo hội từng bước được kiện toàn, ở nhiệm kì I tổ chức cao nhất của Phật giáo Hoà Hảo là Ban Đại diện, từ nhiệm kì II là Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo. Cấp cơ sở của Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo là Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo, xã, phường, thị trấn.

Tính đến thời điểm 2008, Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo có 300 Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo xã, phường, thị trấn. Chúc sức, chúc việc có: 1.750; Số tín đồ là 1.232.570; 104 cơ sở thờ tự.

Hoạt động đạo sự dần dần ổn định đi vào nền nếp. Đại hội lần II thông qua Hiến chương Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo. Hiến chương gồm 07 chương, 31 điều. Việc phổ biến giáo lí, luật lệ, lễ nghi những năm đầu đạo được hoàn nguyên được xem là nhiệm vụ trọng tâm và được thực hiện thường xuyên ở những năm tiếp theo. Năm 2003, trên cơ sở Quyết định số 320/QĐ-UB ngày 06/3/ 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang về việc cho phép Ban Đại diện Phật giáo Hoà Hảo mở lớp đào tạo giáo lý viên khoá I, ngày 31 - 3 - 2003 lớp đã được mở cho gần 100 học viên theo học. Sau khi tốt nghiệp các học viên sẽ là nòng cốt trong việc truyền bá giáo lí của đạo cho tín đồ.

Hàng năm Phật giáo Hoà Hảo đến tổ chức ngày khai đạo (18.5 âm lịch).

Dưới sự hướng dẫn của Ban Trị sự (Trung ương và cơ sở) bà con tín đồ Phật giáo Hoà Hảo hết sức phấn khởi, an tâm tu hành, giữ đạo, sống đạo. Sinh hoạt đạo ổn định, gắn đạo với đời theo phương châm “vì đạo pháp, vì dân tộc”.

### 6. Islam giáo

Islam giáo phát triển chủ yếu trong người Chăm. Lịch sử truyền giáo, phát triển Islam giáo trong người Chăm có những giai đoạn khác nhau. Thời Trung đại, Islam giáo truyền bá và phát triển trong người Chăm dần dần bị Chăm hoá, nghĩa là bị chi phối bởi văn hóa đặc biệt là tín ngưỡng truyền thống của cư dân Chăm. Để rồi tôn giáo này bị biến thể trở thành Bani giáo.

Bani giáo so với Islam giáo có những nét khác biệt về tín lí, kinh sách và cơ sở thờ tự. Đặc biệt tín đồ của tôn giáo này không có liên hệ gì với thế giới Islam giáo.

Tu sĩ Bani giáo được chia thành 4 cấp với nhiệm vụ riêng: Cấp Achar hay Char, cấp Khotip, cấp Imam. Cấp PôGru (Sư Cả) là một chức vị cao nhất trong hàng ngũ tu sĩ Bani. Mỗi thôn, mỗi thánh đường của người Chăm Bani có duy nhất một Sư Cả, vị này có quyền quyết định ngày tháng tổ chức cúng lễ cho các cá nhân, gia đình và các công việc hệ trọng của làng. Đây là tu sĩ có thể điều hành mọi nghi lễ trong đạo và có khả năng phối hợp với các thầy lễ khác trong một số lễ đặc biệt như cầu đảo, lập làng, lập thánh đường. Bên cạnh tầng lớp tu sĩ phụ trách việc đạo, việc chung của làng, ở mỗi thôn Chăm Bani còn có Ban lãnh đạo Thánh đường gồm: Mưdin (thuộc cấp Achar), Tiptan (cấp Khotip), Imam tan (cấp

Imam) do tu sĩ và các tín đồ bầu ra, nhiệm kì từ 3-5 năm.

Toàn đạo được tiến hành bởi Hội đồng Sư Cả.

Như vậy, Bani giáo có tuổi đời hàng trăm năm. Trải thời gian tôn giáo này vẫn phát triển trong cộng đồng cư dân Chăm.

Tuy có những nét khác với Islam giáo và không có liên hệ với thế giới Islam giáo nhưng về kinh sách Bani vẫn sử dụng kinh Coran. Về tín lí, vẫn tôn thờ thượng đế Allah và thiên sứ Môhamét. Tháng ăn chay Ramadan của Islam giáo vẫn được thực hiện nhưng được người Chăm gọi là Ramưwan (Băng Muk kei). Vì vậy, ở Việt Nam, Bani giáo được xếp vào một nhánh của Islam giáo. Năm 2007, Hội đồng Sư Cả Bani giáo tỉnh Ninh Thuận được cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động.

Tính đến thời điểm 2008, Bani có: 43.996 tín đồ, 399 chức sắc, 17 cơ sở thờ tự.

Islam giáo còn phát triển trong người Chăm ở Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh. Việc phát triển này liên quan trực tiếp đến quá trình chuyển cư của người Chăm đến các vùng đất trên. Sự kiện bắt đầu từ giữa thế kỉ XVIII với hai đợt chuyển cư lớn vào năm 1854 và 1858 một bộ phận người Chăm sinh sống ở Campuchia chuyển về định cư ở Châu Đốc (tỉnh An Giang ngày nay) và tỉnh Tây Ninh.

Từ Châu Đốc (An Giang) liên tục từ năm 1945, đặc biệt trong khoảng thời gian 1963-1975, có những đợt chuyển cư quan trọng của người Chăm Islam về Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để rồi dần dần hình thành nên cộng đồng người Chăm ở Thành phố Hồ Chí Minh bây giờ.

Vậy là có 03 cộng đồng cư dân Chăm Islam ở ba nơi: Thành phố Hồ Chí Minh, An Giang và Tây Ninh. Do những điều kiện chủ quan và khách quan, cả 3 cộng đồng trên đều theo Islam giáo, có liên hệ với thế giới Islam giáo nhưng lại không thể thống nhất thành một cộng đồng chung. Vì vậy, các cộng đồng này lần lượt được nhà nước cấp giấy đăng kí hoạt động tôn giáo và công nhận tổ chức tôn giáo.

Ban Đại diện Cộng đồng Islam giáo Thành phố Hồ Chí Minh, cấp năm 1992.

Ban Đại diện Cộng đồng Islam giáo tỉnh An Giang, cấp năm 2004.

Ban Đại diện Cộng đồng Islam giáo tỉnh Tây Ninh, cấp năm 2008.

Tính đến thời điểm 2008, Islam giáo có 28.736 tín đồ, 300 chức sắc. Về cơ sở thờ tự: Thánh đường có 40, tiểu thánh đường 22. Các thánh đường đều có Hội đồng Giáo Cả thánh đường Islam giáo điều hành công việc tôn giáo. Mọi sinh hoạt tôn giáo của các thánh đường diễn ra bình thường. Một số thánh đường được xây mới có thể bằng nguồn vốn của tín đồ, cũng có thể bằng nguồn tài trợ từ những tổ chức Islam giáo nước ngoài. Ví dụ ngày 11/4/2008 người Chăm Islam giáo ở ấp 2, xã Quốc Thái, huyện An Phú, An Giang tổ chức lễ khởi công xây dựng thánh đường Jaminl – Muslimin. Công trình có tổng diện tích 541 m<sup>2</sup>, với tổng số vốn đầu tư 147.000 USD do Hội Trăng lưỡi liềm đỏ các Tiểu vương quốc Ả rập tài trợ.

### 7. Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Mốc ra đời của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là năm 1867. Tứ Ân Hiếu Nghĩa là sự tiếp nối đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Người sáng lập có những tên gọi như Ngô Tự Lợi (Năm Thiếp), Ngô Viện, còn trong dân gian suy

tôn là Đức Bốn sư (Đức Phật). Quá trình truyền giáo, phát triển đạo của Đức Bốn sư gắn với quá trình khai hoang lập ấp. Hình thức tổ chức của đạo là lập ra các gánh. Tín đồ phải thực hành 12 điều Hiếu nghĩa và bốn (tứ) điều ân. Hiếu nghĩa và Tứ ân liên quan mật thiết với nhau.

Tứ ân là:

1. Ân Tổ tiên cha mẹ.
2. Ân Đất nước.
3. Ân Tam bảo.
4. Ân Đồng bào và Nhân loại.

Tứ Ân Hiếu Nghĩa nhấn mạnh yếu tố hiếu nghĩa, coi đó là đầu. Đương thời Đức Bốn sư gọi đạo của mình là đạo Ông Bà, về sau những người lãnh đạo đã lấy tên đạo là Tứ Ân Hiếu Nghĩa đăng kí với nhà cầm quyền Pháp.

Tháng 9 năm 2006 chính quyền cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động cho đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa theo kế hoạch số 08/KH-TGCP. Tính đến thời điểm 2008, Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 70.899 tín đồ, 476 chức sắc, chức việc, 78 cơ sở thờ tự.

### 8. Bửu Sơn Kỳ Hương

Năm Kỷ Dậu 1849 được coi là điểm thành lập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Thời điểm này ở vùng An Giang đã hình thành nên một phong trào tôn giáo mới, người gia nhập được trao một tấm giấy có thể là mẫu vàng hoặc mẫu trắng đóng dấu son 4 chữ: BỬU SƠN KÌ HƯƠNG. Vì vậy, tôn giáo này được gọi là Bửu Sơn Kỳ Hương.

Có những cách giải thích khác nhau về tên gọi này: Bửu Sơn Kỳ Hương là hương lạ trên núi quý; Hoặc: Thời Hạ nguyên đã hết, thời đại mới được mở ra, từ vùng Thất sơn một hương thơm kì lạ được tỏa ra.

Người sáng lập đạo là ông Đoàn Văn Huyền (1807-1856) được tín đồ gọi là Phật Thầy Tây An. Quá trình thành lập và phát triển đạo được tiến hành cùng với công cuộc khai hoang lập ra các trại ruộng.

Cần thiết phải nhấn mạnh rằng, Bửu Sơn Kỳ Hương còn là nguồn gốc xã hội và tư tưởng để sau này xuất hiện những tôn giáo mới như Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hoà Hảo.

Bửu Sơn Kỳ Hương không có kinh kệ, chỉ có sấm truyền dưới dạng thơ để răn dạy tín đồ, hướng dẫn họ cách hành xử trong cuộc sống. Giáo lí của Bửu Sơn Kỳ Hương là Tu nhân.

Năm 2008, Bửu Sơn Kỳ Hương được Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo. Thời điểm này, Bửu Sơn Kỳ Hương có 15.184 tín đồ, 90 chức sắc, chức việc, 19 cơ sở thờ tự.

#### *9. Tịnh Độ cư sĩ Phật hội*

Thực hiện kế hoạch số 08/KH-TGCP, tháng 9/2006, Ban Tôn giáo Chính phủ đã cấp giấy chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo cho Tịnh Độ cư sĩ Phật hội. Tịnh Độ cư sĩ Phật hội là một tổ chức tôn giáo của những người tu tại gia do ông Nguyễn Văn Bông tức Đức Tông sư Minh Trí sáng lập năm 1934. Mục đích của đạo là tu học, hành thiện, ích nước, lợi dân; Tôn chỉ là: Phước Huệ song tu. Cơ cấu tổ chức của đạo gồm 3 cấp: Trung ương, tỉnh (thành phố), quận (huyện). Hiện tại Ban Trị sự Trung ương gồm 12 thành viên do ông Nguyễn Phương Hiếu làm Chánh Hội trưởng. Tịnh Độ cư sĩ Phật hội có 1.450.000 tín đồ ở 21 tỉnh thành từ Cà Mau đến Khánh Hoà, 4.800 chức sắc, chức việc, 868 y sĩ, y sinh, 350.000 hội viên, 206 hội quán (chùa), trong đó có 201 phòng thuốc Nam phước thiện.

Kể từ khi được Nhà nước công nhận đến nay, hoạt động của Tịnh Độ cư sĩ Phật hội sôi nổi hơn nhất là hoạt động phát thuốc chữa bệnh cho người nghèo đau ốm. Về tôn giáo, năm 2009 Tịnh Độ cư sĩ Phật hội tổ chức lớp bồi dưỡng về hành chính đạo và kiến thức pháp luật cho chức sắc.

#### *10. Đạo Baha'i*

Ngày 20/3/2007, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Tôn giáo Chính phủ trao giấy chứng nhận đăng kí hoạt động tôn giáo cho cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam; đồng thời Ban Đại diện cộng đồng tôn giáo Baha'i cũng tổ chức lễ ra mắt. Trụ sở của Ban Đại diện đặt tại 153/12/3 đường Nguyễn Thông, phường 9, Quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

Đạo Baha'i được thành lập tại Iran năm 1844 và truyền vào Việt Nam năm 1954 thông qua các thương nhân người Ấn Độ. Đạo Baha'i ở Việt Nam trước năm 1975 không mấy phát triển.

Sau một thời gian hoạt động, ngày 14/7/2008, cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam được Nhà nước Việt Nam công nhận là một tổ chức tôn giáo với Quyết định số 150/QĐ-TGCP của Ban Tôn giáo Chính phủ. Cộng đồng tôn giáo Baha'i hoạt động với phương châm: "Tuân thủ luật pháp của đất nước mình sinh sống, coi các tôn giáo khác như anh em trong một gia đình, xây dựng sự thống nhất trong đa dạng, phấn đấu phụng sự vì mục đích nhân loại".

Sau khi tổ chức tôn giáo được công nhận, trong các ngày 01 đến 02 tháng 5 năm 2009 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II Hội đồng Tinh thần Tôn giáo Baha'i nhiệm kì 2009 - 2010 được tổ chức, Chủ tịch Hội đồng là ông Nguyễn Thúc. Cùng năm, tôn

giáo này đã xây dựng Website và xúc tiến thành lập Hội đồng Tinh thần tại các địa phương. Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam hiện có 73 Ban Đại diện lâm thời ở các địa phương.

Số liệu tính đến năm 2008 đạo Baha'i có 7.000 tín đồ cơ sở trực thuộc tại 44 tỉnh, thành phố ở Việt Nam, chủ yếu từ Đà Nẵng trở vào (một số tỉnh phía Bắc như Hà Nội, Phú Thọ, v.v... cũng có tín đồ nhưng số lượng ít ỏi). Số chức sắc, chức việc là 849.

Mặc dù là một cộng đồng tôn giáo nhỏ bé nhưng Baha'i được Nhà nước Việt Nam quan tâm, tạo điều kiện cho tôn giáo này hoạt động như các tôn giáo khác. Ngày 12/9/2008, tại Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng đã tiếp đoàn chức sắc Hội đồng Tinh thần cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam do ông Nguyễn Thức, Chủ tịch Hội đồng cầm đầu.

#### *11. Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo (Minh sư đạo - đạo Minh sư)*

Minh sư đạo du nhập vào Việt Nam năm 1863 nhưng không mấy phát triển. Trên tinh thần thực hiện Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo, được phép của Nhà nước, trong các ngày 01 và 02 tháng 6 năm 2008, Đại hội Đại biểu toàn phái Minh sư đạo đã diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đại hội thông qua Hiến chương và bầu Ban Trị sự Trung ương Giáo hội nhiệm kỳ 2008 - 2013 gồm 19 vị do Lão sư Trần Tích Địch là Hội trưởng Hội đồng Trưởng lão kiêm Trưởng ban Trị sự Giáo hội. Ông Lê Văn Sách là Phó Hội trưởng kiêm Tổng Thư kí Ban Trị sự Giáo hội. Tổ đình Minh sư đạo đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đại hội xác định đường lối hành đạo là: Đạo pháp và Dân tộc. Vận dụng những tinh hoa của 3 tôn giáo Nho - Phật - Đạo với tư tưởng từ

bi, giác ngộ và giải thoát phục vụ nhân sinh và gắn bó với dân tộc.

Hiến chương của Minh sư đạo gồm 10 chương, 54 điều, quy định tôn chỉ, mục đích, giáo lí, giáo luật, hệ thống tổ chức hành chính, các chế độ đại hội, hội nghị, tấn phong giáo phẩm, bầu cử chức sắc vào Hội đồng Trưởng lão, Ban Trị sự, v.v...

Ngày 18/10/2008 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Tôn giáo Chính phủ trao Quyết định công nhận cho tổ chức tôn giáo Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo.

Tính đến thời điểm 2008 Minh sư đạo có hơn 10.000 tín đồ thuộc 3 tông phái Đức Tế, Hoàng Tế và Phổ Tế, với 250 tu sĩ, 52 Phật đường ở 18 tỉnh, thành phố trên cả nước.

#### *12. Minh Lí đạo Tam tông miếu (Minh Lí đạo - đạo Minh Lí)*

Minh Lí đạo ra đời năm 1924 tại Việt Nam. Giáo lí của Minh Lí đạo kết hợp giáo thuyết của Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo. Ngày 17/10/2008, Minh Lí đạo được chính thức công nhận tổ chức tôn giáo bởi Quyết định của Ban Tôn giáo Chính phủ trao ngày 17/10/2008 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Minh Lí đạo hiện có 1.058 tín đồ, 4 cơ sở thờ tự tại 3 tỉnh, thành phố: Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng lí Hội đồng Hội thánh hiện nay là ông Trường Định.

Trên đây là một số tình hình cơ bản của 12 tôn giáo được Nhà nước Việt Nam công nhận. Tư liệu để chúng tôi thực hiện bài viết chủ yếu khai thác qua báo chí, do vậy mặc dù chúng tôi đã hết sức cố gắng nhưng chắc chắn chưa bao quát hết được nguồn tư liệu./